TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 268/QĐ-TLĐ	*Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam khóa XIV

BAN THƯỜNG VỤ TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

Căn cứ Luật số 97/2025/QH15 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Mặt trận Tổ quốc, Luật Công đoàn, Luật Thanh niên, Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2026 - 2031, thông qua Điều lệ Công đoàn Việt Nam (sửa đổi, bổ sung);

Căn cứ Công văn số 844-CV/ĐUMTTQ,CĐTW ngày 10/7/2026 của Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương về việc ban hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam khóa XIV;

Theo đề nghị của Ban Quan hệ Lao động Tổng Liên đoàn.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam khóa XIV theo Nghị quyết Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ XIV và ý kiến của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 2. Điều lệ Công đoàn Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các cấp công đoàn, cán bộ, đoàn viên công đoàn có trách nhiệm thi hành nghiêm chỉnh Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Nguyễn Anh Tuấn

Nơi nhận:
- Đảng ủy MTTQ, các đoàn thể TW;
- Các Ban Đảng Trung ương;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Thường trực UBTW MTTQVN;
- Đảng ủy Tổng Liên đoàn;
- LĐLĐ tỉnh, thành phố;
- CĐ ngành Trung ương, CĐ tập đoàn kinh tế, tổng công ty trực thuộc TLĐ;
- Lưu: VT, QHLĐ.

ĐIỀU LỆ CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM

KHÓA XIV

LỜI NÓI ĐẦU

Công đoàn Việt Nam, tiền thân là Tổng Công hội đỏ Bắc kỳ, được thành lập ngày 28 tháng 7 năm 1929.

Công đoàn Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn của giai cấp công nhân và của người lao động, do người lao động tự nguyện lập ra, nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết lực lượng, xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện đại, lớn mạnh; đại diện, chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và người lao động; là đại diện duy nhất của người lao động ở cấp quốc gia trong quan hệ lao động và quan hệ quốc tế về công đoàn; tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội; giám sát, phản biện xã hội, tham gia kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp về những vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người lao động; tuyên truyền, vận động người lao động học tập, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, chấp hành pháp luật, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Công đoàn Việt Nam có tính chất giai cấp của giai cấp công nhân và tính chất quần chúng, là thành viên của hệ thống chính trị trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đồng thời đảm bảo tính độc lập tương đối của tổ chức công đoàn, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, có quan hệ hợp tác với Nhà nước, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội khác; hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Công đoàn Việt Nam trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân, luôn gắn với lợi ích quốc gia, dân tộc, giữ vững và phát huy truyền thống đoàn kết quốc tế, vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Chương I
ĐOÀN VIÊN CÔNG ĐOÀN

Điều 1. Đối tượng, điều kiện, thủ tục gia nhập Công đoàn Việt Nam và sinh hoạt đoàn viên công đoàn

1. Đối tượng gia nhập Công đoàn Việt Nam

a) Người lao động là công dân Việt Nam làm việc trong các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (gọi chung là đơn vị, doanh nghiệp) và hộ gia đình, cá nhân có sử dụng lao động theo quy định của pháp luật; người làm việc không có quan hệ lao động trên lãnh thổ Việt Nam.

b) Người lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên.

2. Điều kiện gia nhập Công đoàn Việt Nam

a) Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.

b) Tán thành Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

c) Tự nguyện gia nhập Công đoàn Việt Nam.

3. Thủ tục gia nhập Công đoàn Việt Nam thực hiện theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

4. Khi thay đổi nơi làm việc, đoàn viên có trách nhiệm báo cáo ban chấp hành công đoàn nơi chuyển đi và nơi chuyển đến để thực hiện các thủ tục chuyển sinh hoạt công đoàn theo quy định.

Điều 2. Quyền và nhiệm vụ của đoàn viên công đoàn

1. Quyền của đoàn viên công đoàn

a) Được gia nhập và tham gia hoạt động công đoàn theo quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

b) Được yêu cầu công đoàn đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng khi bị xâm phạm. Đề xuất với tổ chức công đoàn kiến nghị với tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thực hiện chế độ, chính sách, pháp luật đối với người lao động.

c) Được thông tin, thảo luận, đề xuất, biểu quyết công việc của tổ chức công đoàn, bầu cử cơ quan lãnh đạo của tổ chức công đoàn, chất vấn cán bộ lãnh đạo công đoàn; tham gia đánh giá, góp ý kiến cán bộ công đoàn, tổ chức công đoàn; kiến nghị xử lý kỷ luật cán bộ công đoàn có sai phạm.

d) Đoàn viên công đoàn là công dân Việt Nam được tham gia thành lập công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở, được ứng cử, đề cử cơ quan lãnh đạo của tổ chức

công đoàn, đoàn viên công đoàn ưu tú được giới thiệu để Đảng bồi dưỡng, xem xét, kết nạp.

đ) Được tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến công đoàn, người lao động và quy định của tổ chức công đoàn.

e) Được Công đoàn hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ pháp lý miễn phí về pháp luật lao động, công đoàn, việc làm, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, an toàn, vệ sinh lao động, pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức; được Công đoàn đại diện tham gia tố tụng trong các vụ việc lao động để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng theo quy định của pháp luật.

g) Được Công đoàn thăm hỏi, hỗ trợ khi ốm đau, thai sản, khó khăn, hoạn nạn và thụ hưởng các hoạt động chăm lo, phúc lợi, chính sách an sinh, chính sách nhà ở xã hội, ưu đãi của tổ chức công đoàn do tổ chức công đoàn thực hiện; được tham gia các hoạt động văn hoá, thể thao, tham quan, du lịch do Công đoàn tổ chức hoặc phối hợp tổ chức; được Công đoàn tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ tìm việc làm, học nghề, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp, được sử dụng các ứng dụng điện tử của Công đoàn Việt Nam, truy cập dữ liệu số công đoàn theo quy định.

h) Được tuyên dương, khen thưởng khi có thành tích trong lao động, sản xuất và hoạt động công đoàn.

i) Được tạm dừng sinh hoạt công đoàn và không phải đóng đoàn phí khi bị tạm hoãn hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc hoặc bị mất việc làm; đoàn viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được xem xét miễn, giảm đoàn phí công đoàn.

k) Đoàn viên đã nghỉ hưu, nếu tiếp tục làm việc theo hợp đồng lao động và có nguyện vọng thì được ban chấp hành công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở xem xét tiếp tục là đoàn viên công đoàn.

2. Nhiệm vụ của đoàn viên công đoàn

a) Chấp hành Hiến pháp, pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; thực hiện Điều lệ Công đoàn Việt Nam, nghị quyết của công đoàn các cấp, tham gia các hoạt động và sinh hoạt công đoàn, đóng đoàn phí theo quy định.

b) Không ngừng học tập, nâng cao trình độ chính trị, văn hoá, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp; tác phong làm việc, rèn luyện phẩm chất giai cấp công nhân.

c) Đoàn kết, giúp đỡ đồng chí, đồng nghiệp trong lao động và trong cuộc sống; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động và tổ chức công đoàn; không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả lao động; tham gia xây dựng đơn vị, doanh nghiệp phát triển vững mạnh.

d) Tuyên truyền, vận động người lao động gia nhập Công đoàn Việt Nam và tham gia xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh.

đ) Tham gia xây dựng quan hệ lao động tiến bộ, hài hòa và ổn định.

Chương II
CÁN BỘ CÔNG ĐOÀN

Điều 3. Cán bộ công đoàn

1. Cán bộ công đoàn là công dân Việt Nam được bầu cử, tuyển dụng, bổ nhiệm, chỉ định giữ chức danh trong tổ chức công đoàn để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức công đoàn.

2. Cán bộ công đoàn gồm có cán bộ công đoàn chuyên trách và cán bộ công đoàn không chuyên trách.

a) Cán bộ công đoàn chuyên trách là người được bầu cử, tuyển dụng, bổ nhiệm, chỉ định để đảm nhiệm thường xuyên công việc trong tổ chức công đoàn.

b) Cán bộ công đoàn không chuyên trách là người được công đoàn các cấp bầu cử hoặc cấp có thẩm quyền của Công đoàn chỉ định vào chức danh từ tổ phó tổ công đoàn trở lên để kiêm nhiệm công việc của tổ chức công đoàn.

3. Cán bộ công đoàn trung thành với Tổ quốc, với Công đoàn Việt Nam và giai cấp công nhân Việt Nam, hết lòng phục vụ đoàn viên, người lao động, nghiêm chỉnh thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và Điều lệ Công đoàn Việt Nam, có trình độ, năng lực, kỹ năng vận động người lao động, có sức khỏe, uy tín, bản lĩnh, tâm huyết thực hiện nhiệm vụ cán bộ công đoàn.

4. Trên cơ sở phân cấp của cấp có thẩm quyền, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quy định việc tuyển dụng, điều động, tiếp nhận cán bộ công đoàn đặc thù trưởng thành từ phong trào công nhân, hoạt động công đoàn tại cơ sở để bố trí làm cán bộ công đoàn chuyên trách trong tổ chức công đoàn phù hợp, khi đáp ứng yêu cầu về trình độ, năng lực, tiêu chuẩn, uy tín theo quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

5. Miễn nhiệm, thôi chức cán bộ công đoàn

a) Cán bộ công đoàn không đáp ứng yêu cầu công việc, uy tín giảm sút, không đảm bảo tiêu chuẩn về sức khỏe, có vi phạm nhưng chưa tới mức xử lý kỷ luật cách chức thì cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định miễn nhiệm.

b) Cán bộ công đoàn có đơn tự nguyện xin thôi chức thì cấp có thẩm quyền xem xét chấp thuận cho thôi chức.

Điều 4. Trách nhiệm, quyền hạn của cán bộ công đoàn

1. Trách nhiệm của cán bộ công đoàn

a) Thực hiện quy định của pháp luật để đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động, tập thể người lao động.

b) Giữ mối liên hệ mật thiết với đoàn viên và người lao động; lắng nghe ý kiến, kiến nghị của đoàn viên và người lao động để giải quyết, tư vấn hoặc báo cáo, phản ánh kịp thời với tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

c) Tuyên truyền, vận động đoàn viên, người lao động thực hiện tốt nghĩa vụ công dân; chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các nội quy, quy chế của đơn vị, doanh nghiệp; không ngừng học tập, nâng cao trình độ chính trị, pháp luật, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp; rèn luyện phẩm chất, tác phong làm việc, tinh thần trách nhiệm, ý thức giai cấp, lòng tự hào, tự tôn dân tộc.

d) Nêu gương về mọi mặt đối với đoàn viên, người lao động; tích cực bảo vệ chế độ, bảo vệ Đảng và tổ chức Công đoàn Việt Nam.

đ) Phát triển, quản lý đoàn viên và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh; vận động, thu hút, tập hợp thành viên, tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp gia nhập Công đoàn Việt Nam.

e) Đấu tranh chống các biểu hiện, hành vi vi phạm đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết, quy định của công đoàn các cấp.

g) Quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của tổ chức công đoàn đúng quy định.

h) Thực hiện các nhiệm vụ khác do tổ chức công đoàn phân công.

2. Quyền hạn của cán bộ công đoàn

a) Là người đại diện theo pháp luật hoặc theo uỷ quyền, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động, tập thể người lao động.

b) Được thực hiện các quyền của cán bộ công đoàn theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

c) Được bảo đảm điều kiện hoạt động công đoàn tại nơi làm việc theo quy định của pháp luật và của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

d) Được bảo vệ khi bị phân biệt đối xử vì lý do gia nhập, hoạt động công đoàn; được giúp đỡ, hỗ trợ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

đ) Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, công tác công đoàn.

e) Được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của Đảng, Nhà nước và tổ chức công đoàn.

Chương III
NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

1. Công đoàn Việt Nam được thành lập trên cơ sở tự nguyện; tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, cơ quan lãnh đạo công đoàn các cấp do bầu cử lập ra, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức; hợp tác, phối hợp với người sử dụng lao động, đồng thời đảm bảo tính độc lập của tổ chức công đoàn.

2. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Công đoàn Việt Nam là Đại hội đại biểu toàn quốc Công đoàn Việt Nam (Đại hội Công đoàn Việt Nam). Cơ quan lãnh đạo ở mỗi cấp công đoàn là đại hội công đoàn cấp đó. Cơ quan lãnh đạo của công đoàn mỗi cấp giữa hai kỳ đại hội là ban chấp hành.

3. Nghị quyết của công đoàn các cấp được thông qua theo đa số và phải được thi hành nghiêm chỉnh.

4. Công đoàn Việt Nam cùng với các tổ chức thành viên khác của Mặt trận Tổ quốc hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì, đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo, độc lập tương đối của tổ chức công đoàn, thực hiện theo Hiến pháp, pháp luật, Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

Điều 6. Huy hiệu, Cờ, Bài hát truyền thống của Công đoàn Việt Nam

Huy hiệu, Cờ, Bài hát truyền thống của Công đoàn Việt Nam được sử dụng thống nhất trong các hoạt động chính thức của các cấp công đoàn và các đơn vị, doanh nghiệp thuộc tổ chức Công đoàn Việt Nam.

Điều 7. Hệ thống tổ chức Công đoàn Việt Nam

Công đoàn Việt Nam là tổ chức thống nhất gồm các cấp sau đây:

1. Cấp Trung ương: Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

2. Công đoàn cấp trên cơ sở gồm: Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố; công đoàn ngành trung ương, công đoàn tập đoàn kinh tế, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

3. Công đoàn xã, phường, đặc khu, công đoàn liên xã, phường (gọi chung là công đoàn cấp xã); công đoàn khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao (gọi chung là công đoàn khu công nghiệp); công đoàn đơn vị sự nghiệp trung ương; công đoàn đại học quốc gia, đại học vùng, đại học khác; Nghiệp đoàn Nghề cá Việt Nam; công đoàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty, tổ chức

tín dụng, tài chính trực thuộc công đoàn cấp trên cơ sở; công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở.

Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam ban hành hướng dẫn tiêu chí để công nhận cấp trên cơ sở hoặc giao quyền cấp trên cơ sở cho công đoàn cấp xã; công đoàn khu công nghiệp; công đoàn đơn vị sự nghiệp trung ương; công đoàn đại học quốc gia, đại học vùng, đại học khác; Nghiệp đoàn Nghề cá Việt Nam; công đoàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty, tổ chức tín dụng, tài chính trực thuộc công đoàn cấp trên cơ sở ở những đơn vị đủ điều kiện.

Điều 8. Đại hội, hội nghị công đoàn các cấp

1. Đại hội công đoàn các cấp

a) Nhiệm vụ của đại hội

- Tổng kết tình hình thực hiện nghị quyết đại hội công đoàn nhiệm kỳ qua; đánh giá kết quả thực hiện các chủ trương, chính sách, quy định của công đoàn cấp trên; quyết định phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ tới.

- Thảo luận, đóng góp ý kiến văn kiện của đại hội công đoàn cùng cấp và cấp trên (nếu có).

- Bầu cử ban chấp hành công đoàn, bầu trực tiếp chủ tịch công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở (nếu có) và bầu cử đại biểu đi dự đại hội công đoàn cấp trên.

- Thông qua Điều lệ Công đoàn Việt Nam (đối với Đại hội Công đoàn Việt Nam).

b) Nhiệm kỳ đại hội công đoàn các cấp: Đại hội công đoàn các cấp được tổ chức theo nhiệm kỳ năm năm một lần. Nhiệm kỳ đại hội công đoàn cấp dưới có thể được điều chỉnh để phù hợp nhiệm kỳ đại hội công đoàn cấp trên và tình hình thực tế. Đại hội Công đoàn Việt Nam do Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quyết định sau khi có ý kiến của cấp có thẩm quyền.

c) Đại hội công đoàn có hai hình thức: Đại hội đại biểu và đại hội toàn thể đoàn viên.

d) Thành phần đại biểu chính thức của đại hội đại biểu.

- Ủy viên ban chấp hành đương nhiệm.

- Đại biểu do công đoàn cấp dưới bầu.

- Đại biểu chỉ định với số lượng không quá năm phần trăm (5%) tổng số đại biểu chính thức được triệu tập. Trường hợp đặc biệt do Ban Thường vụ Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quyết định.

đ) Đại biểu dự đại hội đại biểu phải được đại hội thẩm tra và biểu quyết công nhận tư cách đại biểu. Người đang trong thời gian chấp hành các hình thức kỷ luật từ khiển trách trở lên, người bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử hoặc đang chấp hành bản án hình sự theo quy định pháp luật thì không đủ tư cách đại biểu.

2. Hội nghị công đoàn các cấp

a) Những nơi không đủ điều kiện tổ chức đại hội và được công đoàn cấp trên đồng ý thì tổ chức hội nghị đại biểu hoặc hội nghị toàn thể. Trường hợp không thể tổ chức được hội nghị đại biểu, hội nghị toàn thể thì có thể tổ chức hội nghị ban chấp hành công đoàn mở rộng sau khi có sự đồng ý của công đoàn cấp trên.

b) Hội nghị công đoàn các cấp gồm các nhiệm vụ: Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết đại hội; bổ sung phương hướng, nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch hoạt động của công đoàn cấp mình; góp ý kiến vào văn kiện đại hội công đoàn cấp trên (nếu có); bầu cử đại biểu đi dự đại hội hoặc hội nghị đại biểu công đoàn cấp trên, bổ sung ban chấp hành (nếu có).

c) Đại biểu dự hội nghị công đoàn các cấp thực hiện như quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều này.

Điều 9. Nguyên tắc, hình thức bầu cử tại đại hội, hội nghị công đoàn

1. Đại hội, hội nghị công đoàn các cấp hợp lệ khi có ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên được triệu tập tham dự.

2. Hình thức bầu cử

a) Bỏ phiếu kín thực hiện trong các trường hợp: Bầu ban chấp hành và các chức danh của ban chấp hành công đoàn các cấp; bầu ủy ban kiểm tra và các chức danh của ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp; bầu cử tổ trưởng, tổ phó công đoàn và các chức danh cán bộ công đoàn khác; bầu đại biểu dự đại hội công đoàn cấp trên; lấy phiếu giới thiệu nhân sự để đưa vào danh sách bầu cử.

b) Biểu quyết giơ tay hoặc giơ thẻ trong các trường hợp: Bầu các cơ quan điều hành, giúp việc đại hội, hội nghị (đoàn chủ tịch, đoàn thư ký, ban thẩm tra tư cách đại biểu, ban kiểm phiếu); thông qua số lượng và danh sách bầu cử; thông qua nghị quyết của đại hội, hội nghị.

3. Người trúng cử phải có số phiếu bầu đạt tỷ lệ quá một phần hai (1/2) so với tổng số đại biểu được triệu tập có mặt dự đại hội, hội nghị và theo nguyên tắc lấy từ cao xuống thấp.

Điều 10. Ban chấp hành công đoàn các cấp

1. Ban chấp hành công đoàn cấp nào do đại hội công đoàn cấp đó bầu ra, là đại diện của đoàn viên và người lao động cấp đó. Ban chấp hành công đoàn cấp dưới phải được công đoàn cấp trên trực tiếp công nhận hoặc chỉ định. Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam khoá mới thay mặt Ban Chấp hành ký văn bản công nhận Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ủy ban kiểm tra, các chức danh trong Ban Chấp hành, Ủy ban Kiểm tra Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

2. Trường hợp cần thiết, công đoàn cấp trên trực tiếp chỉ định ban chấp hành, uỷ viên ban chấp hành và các chức danh trong ban chấp hành công đoàn cấp dưới. Nếu chỉ định toàn bộ ban chấp hành thì trong thời hạn không quá 12 tháng kể từ khi được chỉ định, ban chấp hành được chỉ định phải tổ chức đại hội để bầu ban chấp hành mới. Công đoàn cấp trên trực tiếp điều chỉnh thời gian hoạt động của ban chấp hành công đoàn cấp dưới phù hợp với nhiệm kỳ của công đoàn cấp trên.

3. Số lượng uỷ viên ban chấp hành công đoàn cấp nào do đại hội công đoàn cấp đó quyết định và không vượt số lượng theo quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Trường hợp cần tăng thêm số lượng ủy viên ban chấp hành so với số lượng đã được đại hội biểu quyết thông qua hoặc vượt quá số lượng theo quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, phải xin ý kiến bằng văn bản và phải được sự đồng ý của công đoàn cấp trên trực tiếp trước khi tiến hành quy trình, thủ tục bầu bổ sung theo quy định, nhưng không vượt quá mười phần trăm (10%). Trường hợp tăng số lượng ủy viên Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, do Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quyết định, nhưng không vượt quá năm phần trăm (5%) so với số lượng uỷ viên Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã được Đại hội Công đoàn Việt Nam quyết định.

4. Việc bầu bổ sung uỷ viên ban chấp hành công đoàn các cấp thực hiện theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

5. Việc thôi tham gia ban chấp hành công đoàn các cấp

a) Ủy viên ban chấp hành công đoàn các cấp khi nghỉ hưu, nghỉ việc chờ nghỉ hưu, thôi việc; thôi giữ chức danh, chức vụ hoặc chuyển công tác đến nơi khác không thuộc cơ cấu ban chấp hành; ủy viên ban chấp hành là cán bộ công đoàn chuyên trách khi không còn là chuyên trách công đoàn thì đương nhiên thôi ban chấp hành công đoàn cấp đó và cấp trên (nếu có) kể từ thời điểm ghi trong quyết định nghỉ hưu, nghỉ việc chờ nghỉ hưu, thôi việc, chuyển công tác hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền.

b) Ủy viên ban chấp hành công đoàn xin thôi tham gia ban chấp hành hoặc các chức danh trong ban chấp hành không thuộc trường hợp quy định tại điểm a, khoản 5 Điều này phải làm đơn và gửi ban chấp hành công đoàn cùng cấp xem xét, thống nhất và đề nghị công đoàn cấp trên xem xét, quyết định.

6. Nhiệm vụ, quyền hạn của ban chấp hành công đoàn các cấp

a) Ban chấp hành công đoàn các cấp quyết định các vấn đề thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định; chuẩn bị các báo cáo và chịu trách nhiệm về hoạt động trước đại hội, hội nghị công đoàn cùng cấp, công đoàn cấp trên và công đoàn cấp dưới.

b) Đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động thuộc đối tượng, phạm vi theo phân cấp.

c) Tổ chức thực hiện nghị quyết đại hội công đoàn cùng cấp, các chủ trương, nghị quyết, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

d) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động đối với công đoàn cấp dưới.

đ) Bầu ban thường vụ, bầu ủy ban kiểm tra; bầu chức danh chủ tịch, phó chủ tịch, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra công đoàn cùng cấp.

e) Tổ chức chất vấn và trả lời chất vấn của cán bộ, đoàn viên công đoàn tại các hội nghị của ban chấp hành.

g) Định kỳ báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động công đoàn với cấp uỷ đảng cùng cấp (nếu có), với công đoàn cấp trên trực tiếp quản lý và thông báo cho công đoàn cấp dưới.

h) Quản lý tài chính, tài sản và hoạt động kinh tế công đoàn theo quy định của pháp luật và quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

7. Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; công đoàn cấp trên cơ sở; công đoàn cấp xã; công đoàn khu công nghiệp; công đoàn đơn vị sự nghiệp trung ương; công đoàn đại học quốc gia, đại học vùng, đại học khác; Nghiệp đoàn Nghề cá Việt Nam; công đoàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty, tổ chức tín dụng, tài chính trực thuộc công đoàn cấp trên cơ sở họp định kỳ sáu tháng một lần; ban chấp hành công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở họp định kỳ ba tháng một lần; ban chấp hành công đoàn các cấp họp đột xuất khi cần.

Điều 11. Ban thường vụ công đoàn các cấp

1. Ban thường vụ công đoàn các cấp do ban chấp hành công đoàn cùng cấp bầu, số lượng ủy viên ban thường vụ không quá một phần ba (1/3) tổng số uỷ viên ban chấp hành công đoàn cùng cấp; ban thường vụ gồm có chủ tịch, phó chủ tịch và các ủy viên.

2. Ban thường vụ công đoàn các cấp có trách nhiệm chuẩn bị nội dung các hội nghị của ban chấp hành công đoàn cùng cấp; giải quyết công việc thường xuyên, chỉ đạo tổ chức thực hiện các nghị quyết của ban chấp hành công đoàn cùng cấp và công đoàn cấp trên. Được ban hành nghị quyết, quyết định, chương trình, kết luận và các văn bản phù hợp khác để tổ chức thực hiện nghị quyết đại hội công đoàn cấp mình, nghị quyết đại hội công đoàn cấp trên và Nghị quyết Đại hội Công đoàn Việt Nam, các nghị quyết của ban chấp hành công đoàn cùng cấp và công đoàn cấp trên. Đại diện cho đoàn viên, người lao động kiến nghị với Đảng, Nhà nước những vấn đề liên quan đến người lao động và tổ chức công đoàn.

3. Thường trực ban thường vụ (nơi không có ban thường vụ là ban chấp hành) công đoàn các cấp gồm chủ tịch và các phó chủ tịch, thay mặt ban thường vụ (ban chấp hành) chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện chủ trương, nghị quyết, quyết định, kết luận, chương trình công tác của công đoàn cấp trên; giải quyết công việc hằng ngày của ban thường vụ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các hội nghị ban thường vụ công đoàn cùng cấp.

4. Chủ tịch là người đứng đầu ban chấp hành, có trách nhiệm điều hành hoạt động của ban thường vụ, ban chấp hành, là người đại diện theo pháp luật của ban chấp hành công đoàn cùng cấp.

5. Ban Thường vụ Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và ban thường vụ liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương, công đoàn tập đoàn kinh tế, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam có bộ máy chuyên trách tham mưu, giúp việc công tác công đoàn.

6. Ban Thường vụ công đoàn các cấp họp định kỳ ít nhất hai tháng một lần, họp đột xuất khi cần.

Chương IV
CÁC CẤP CÔNG ĐOÀN TRONG HỆ THỐNG CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM

Điều 12. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

1. Quyết định chương trình, nội dung hoạt động của công đoàn nhằm thực hiện nghị quyết Đại hội Công đoàn Việt Nam và các nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam; chỉ đạo và hướng dẫn hoạt động của các cấp công đoàn. Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức công đoàn. Chỉ đạo công tác nghiên cứu lý luận công đoàn, tổng kết thực tiễn về giai cấp công nhân và hoạt động công đoàn.

2. Tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội; tham gia xây dựng và phản biện đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án, chính sách liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của đoàn viên công đoàn, người lao động; tham gia kiểm tra, thanh tra, giám sát thực hiện chế độ, chính sách, pháp luật về kinh tế - xã hội, lao động, việc làm, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, an toàn, vệ sinh lao động và chính sách, pháp luật khác có liên quan đến người lao động và tổ chức công đoàn, quyền, nghĩa vụ của người lao động theo quy định của pháp luật; tổ chức, quản lý công tác nghiên cứu khoa học về lao động, công đoàn, an toàn, vệ sinh lao động; tham gia các uỷ ban, hội đồng, ban chỉ đạo quốc gia về các vấn đề có liên quan đến người lao động.

3. Phối hợp với các cơ quan của Đảng, cơ quan của Nhà nước, doanh nghiệp, trong việc bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hoá, chính trị, chuyên môn, nghề nghiệp cho đoàn viên và người lao động đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể ở Trung ương tổ chức các phong trào thi đua yêu nước, tiến hành giám sát, phản biện xã hội và các hoạt động xã hội trong đoàn viên và người lao động.

4. Quyết định phương hướng, biện pháp về công tác tổ chức, cán bộ; xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy, tiêu chuẩn chức danh cán bộ công đoàn; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, quản lý, bố trí, sử dụng và thực hiện chính sách đối với cán bộ công đoàn chuyên trách theo phân cấp quản lý.

5. Hướng dẫn, chỉ đạo các hoạt động đại diện, chăm lo, bảo vệ đoàn viên và người lao động; tổ chức đối thoại, thương lượng tập thể, các phong trào thi đua yêu nước và hoạt động văn hoá, thể thao, du lịch của công đoàn các cấp.

6. Ban hành quy định khung về nguyên tắc, nội dung, phương thức thực hiện mối quan hệ công tác giữa công đoàn ngành trung ương, công đoàn tập đoàn kinh tế, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam với liên đoàn lao động tỉnh, thành phố trong chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ, tư vấn hoạt động công đoàn theo ngành nghề trên địa bàn tỉnh, thành phố.

7. Hướng dẫn, quản lý hoạt động hợp tác quốc tế về công đoàn theo quy định của pháp luật. Ban Thường vụ Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quy định chi tiết việc quản lý hoạt động hợp tác quốc tế về công đoàn theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện quyền, trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản; hướng dẫn, chỉ đạo công tác quản lý tài chính, tài sản và các hoạt động kinh tế công đoàn; thông qua quyết toán, dự toán tài chính công đoàn hằng năm theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 13. Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố

1. Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố tổ chức theo đơn vị hành chính tỉnh, thành phố, do Ban Thường vụ Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quyết định thành lập, chia tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc giải thể phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Đối tượng tập hợp của liên đoàn lao động tỉnh, thành phố là đoàn viên, người lao động theo địa giới hành chính cấp tỉnh, trừ đối tượng tập hợp của công đoàn ngành trung ương, công đoàn tập đoàn kinh tế, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

3. Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố quyết định thành lập, chia tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể và chỉ đạo hoạt động các công đoàn cấp dưới trực thuộc.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn

a) Đại diện, chăm lo và bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động trên địa bàn.

b) Tuyên truyền, tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh ở địa phương và nhiệm vụ của tổ chức công đoàn.

- Tham gia với cấp uỷ đảng, cơ quan nhà nước tỉnh, thành phố về các chủ trương, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các vấn đề có liên quan đến đời sống, việc làm và điều kiện làm việc của đoàn viên, người lao động trên địa bàn; tổ chức phong trào thi đua yêu nước và các hoạt động xã hội.

- Tham gia xây dựng và phản biện đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án, chính sách liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của đoàn viên công đoàn, người lao động; tham gia cải cách hành chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; tham gia xây dựng Đảng, chính quyền vững mạnh.

c) Chủ trì giám sát hoặc tham gia với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách, pháp luật về công đoàn, lao động, việc làm, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, an toàn vệ sinh lao động, thỏa ước lao động tập thể, thực hiện dân chủ ở cơ sở và chế độ chính sách pháp luật khác có liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động trong các đơn vị, doanh nghiệp; hướng dẫn tổ chức đối thoại, thương lượng tập thể; chỉ đạo giải quyết tranh chấp lao động, tham gia điều tra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn.

d) Chỉ đạo công đoàn cấp dưới trực thuộc thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

đ) Phối hợp, hướng dẫn các tổ chức công đoàn trực thuộc công đoàn ngành trung ương, công đoàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đóng trên địa bàn hoạt động theo ngành nghề; triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chủ trương, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng ở địa phương.

e) Vận động, tổ chức cho đoàn viên, người lao động học tập nâng cao trình độ chính trị, pháp luật, chuyên môn, nghiệp vụ; tổ chức các hoạt động văn hoá, thể dục thể thao cho đoàn viên và người lao động; quản lý các thiết chế công đoàn, cơ sở giáo dục, đào tạo, trung tâm tư vấn và hỗ trợ người lao động.

g) Thực hiện công tác cán bộ theo phân cấp; phối hợp với cấp ủy tương đương trong việc sắp xếp, bố trí, đề bạt cán bộ theo phân cấp.

h) Hướng dẫn, chỉ đạo đại hội, hội nghị công đoàn cấp dưới; chỉ đạo phát triển đoàn viên, quản lý đoàn viên; đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức công đoàn hằng năm; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác công đoàn đối với cán bộ công đoàn trực tiếp quản lý.

i) Thực hiện hợp tác quốc tế về công đoàn theo quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

k) Quản lý và sử dụng tài chính, tài sản và hoạt động kinh tế của công đoàn theo quy định của pháp luật và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

l) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và các nhiệm vụ khác theo quy định.

Điều 14. Công đoàn ngành trung ương

1. Công đoàn ngành trung ương được tổ chức cùng ngành nghề, có phạm vi toàn quốc do Ban Thường vụ Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quyết định thành lập, chia tách, sáp nhập, hợp nhất hoặc giải thể phù hợp với đặc điểm của ngành nghề.

2. Đối tượng tập hợp của công đoàn ngành trung ương là đoàn viên đang sinh hoạt tại công đoàn cấp dưới trực thuộc theo phân cấp và người lao động làm việc trong các đơn vị, doanh nghiệp cùng ngành nghề.

3. Công đoàn ngành trung ương quyết định thành lập, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các công đoàn cấp dưới trực thuộc theo phân cấp.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Đại diện, chăm lo và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động cùng ngành nghề.

b) Tuyên truyền, tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của ngành và của tổ chức công đoàn.

c) Đại diện người lao động trong ngành thương lượng tập thể, ký kết thoả ước lao động tập thể ngành theo quy định của pháp luật.

d) Tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội

- Nghiên cứu, tham gia với bộ, ngành về chiến lược phát triển của ngành, gắn với việc xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công nhân, lao động trong ngành.

- Nghiên cứu, tham gia xây dựng và phản biện đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án, chính sách liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của đoàn viên công đoàn, người lao động theo ngành nghề; tham gia cải cách hành chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí,

tiêu cực; tham gia xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, xây dựng ngành phát triển bền vững.

- Chủ trì giám sát hoặc tham gia với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và công đoàn các cấp tiến hành kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện chế độ, chính sách, pháp luật về công đoàn, lao động, việc làm, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, an toàn vệ sinh lao động, thỏa ước lao động tập thể, thực hiện dân chủ ở cơ sở và chế độ chính sách pháp luật khác liên quan đến quyền và lợi ích của đoàn viên, người lao động thuộc ngành; tham gia các hội đồng của ngành để giải quyết các vấn đề liên quan đến đoàn viên, người lao động; kiến nghị với cơ quan nhà nước sửa đổi, bổ sung và giải quyết chế độ, chính sách ngành nghề đáp ứng yêu cầu phát triển ngành.

- Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước, chuyên môn và công đoàn các cấp có liên quan hướng dẫn tổ chức các phong trào thi đua yêu nước và các hoạt động xã hội phù hợp với đặc điểm của ngành.

đ) Nghiên cứu, đề xuất Ban Thường vụ Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của công đoàn ngành; thực hiện quy hoạch, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công đoàn và chính sách cán bộ theo phân cấp.

e) Chỉ đạo, hướng dẫn công đoàn cấp dưới

- Triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, công đoàn cấp trên và nghị quyết đại hội công đoàn ngành trung ương.

- Đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động; đối thoại, thương lượng tập thể, ký kết thoả ước lao động tập thể.

- Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật liên quan đến đoàn viên và người lao động, vận động đoàn viên, người lao động nâng cao trình độ, nghề nghiệp; tổ chức phong trào thi đua yêu nước và các hoạt động xã hội phù hợp với đặc điểm ngành; tham gia xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, xây dựng đơn vị, doanh nghiệp phát triển bền vững.

g) Chủ động phối hợp với các liên đoàn lao động tỉnh, thành phố xây dựng quy chế phối hợp chỉ đạo, hướng dẫn các công đoàn trực thuộc thực hiện các nội dung về chế độ, chính sách lao động ngành; tuyên truyền, giáo dục truyền thống ngành; phương hướng nhiệm vụ phát triển ngành; thành lập công đoàn trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước có cùng ngành nghề; phối hợp chỉ đạo các công đoàn trực thuộc đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố tham gia xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đại diện, bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng

của đoàn viên, người lao động; chăm lo lợi ích đoàn viên, góp phần xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ.

h) Hướng dẫn, chỉ đạo đại hội, hội nghị công đoàn cấp dưới; chỉ đạo phát triển đoàn viên, quản lý đoàn viên, vận động thành lập công đoàn trong các đơn vị, doanh nghiệp cùng ngành nghề. Đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức công đoàn hằng năm theo hướng dẫn của Ban Thường vụ Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

i) Thực hiện hợp tác quốc tế về công đoàn theo quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

k) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản và hoạt động kinh tế của công đoàn theo quy định của pháp luật và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

l) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và các nhiệm vụ khác theo quy định.

Điều 15. Công đoàn trong Quân đội nhân dân Việt Nam

1. Công đoàn trong Quân đội nhân dân Việt Nam là công đoàn ngành trung ương thuộc hệ thống tổ chức Công đoàn Việt Nam.

2. Công đoàn trong Quân đội nhân dân Việt Nam tập hợp những cán bộ, công nhân, viên chức quốc phòng, người lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp, đơn vị cơ sở trong Quân đội nhân dân Việt Nam theo quy định.

3. Tổ chức và hoạt động công đoàn trong Quân đội nhân dân Việt Nam do Ban Thường vụ Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quy định sau khi thống nhất với cơ quan có thẩm quyền của Bộ Quốc phòng trên nguyên tắc bảo đảm đúng các quy định của Luật Công đoàn, Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và các nhiệm vụ khác theo quy định.

Điều 16. Công đoàn trong Công an nhân dân Việt Nam

1. Công đoàn trong Công an nhân dân Việt Nam là công đoàn ngành trung ương thuộc hệ thống tổ chức của Công đoàn Việt Nam.

2. Công đoàn trong Công an nhân dân Việt Nam tập hợp cán bộ, công nhân, lao động đang làm việc trong các đơn vị, doanh nghiệp trong Công an nhân dân Việt Nam theo quy định.

3. Tổ chức và hoạt động của Công đoàn trong Công an nhân dân Việt Nam do Ban Thường vụ Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quy định sau khi thống nhất với Ban Thường vụ Đảng uỷ Công an Trung ương trên nguyên tắc bảo đảm đúng các quy định của Luật Công an nhân dân, Luật Công đoàn, Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và các nhiệm vụ khác theo quy định.

Điều 17. Công đoàn tập đoàn kinh tế, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

1. Các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ thành lập hoặc phê duyệt đề án thành lập, Ban Thường vụ Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam xem xét, quyết định thành lập công đoàn tập đoàn kinh tế, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

2. Đối tượng tập hợp của công đoàn tập đoàn kinh tế, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam là đoàn viên, người lao động trong các đơn vị, doanh nghiệp thành viên; đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc tập đoàn kinh tế, tổng công ty và cơ quan công đoàn tập đoàn kinh tế, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

3. Công đoàn tập đoàn kinh tế, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quyết định thành lập, chia tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể và chỉ đạo hoạt động các công đoàn cấp dưới trực thuộc theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công đoàn Việt Nam, phù hợp yêu cầu nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh và hoạt động của tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Đại diện, chăm lo và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động.

b) Tuyên truyền, tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của tập đoàn, tổng công ty và của tổ chức công đoàn.

c) Đại diện người lao động đối thoại, thương lượng tập thể, ký kết và thực hiện thoả ước lao động tập thể với tập đoàn, tổng công ty theo quy định của pháp luật.

d) Tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội

- Nghiên cứu, tham gia xây dựng chiến lược phát triển tập đoàn, tổng công ty, gắn với việc xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công nhân, lao động trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty.

- Nghiên cứu, tham gia xây dựng và phản biện đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án, chính sách liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của đoàn viên công đoàn, người lao động của tập đoàn, tổng công ty; tham gia cải cách hành chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; tham gia xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, xây dựng tập đoàn, tổng công ty, đơn vị phát triển bền vững.

- Chủ trì giám sát hoặc tham gia với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và công đoàn các cấp tiến hành kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện chế độ,

chính sách, pháp luật về công đoàn, lao động, việc làm, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, an toàn vệ sinh lao động, thỏa ước lao động tập thể, thực hiện dân chủ ở cơ sở và chế độ chính sách pháp luật khác liên quan đến quyền và lợi ích của đoàn viên, người lao động; tham gia các hội đồng của đơn vị, doanh nghiệp để giải quyết các vấn đề liên quan đến đoàn viên, người lao động; kiến nghị với cơ quan nhà nước sửa đổi, bổ sung và giải quyết chế độ, chính sách liên quan đến đoàn viên, người lao động.

- Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước, chuyên môn và công đoàn các cấp có liên quan hướng dẫn, tổ chức các phong trào thi đua yêu nước và các hoạt động xã hội phù hợp với đặc điểm của đơn vị, doanh nghiệp.

đ) Nghiên cứu, đề xuất Ban Thường vụ Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của công đoàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty; thực hiện công tác quy hoạch, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công đoàn và chính sách cán bộ theo phân cấp.

e) Chỉ đạo, hướng dẫn công đoàn cấp dưới

- Triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và nghị quyết đại hội công đoàn tập đoàn kinh tế, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

- Đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động; đối thoại, thương lượng tập thể, ký kết và thực hiện thoả ước lao động tập thể.

- Tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến đoàn viên và người lao động, vận động đoàn viên, người lao động nâng cao trình độ, nghề nghiệp; tổ chức phong trào thi đua yêu nước và các hoạt động xã hội phù hợp; tham gia xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, xây dựng đơn vị, doanh nghiệp phát triển bền vững.

g) Chủ động phối hợp với các liên đoàn lao động tỉnh, thành phố xây dựng quy chế phối hợp chỉ đạo, hướng dẫn các công đoàn trực thuộc thực hiện các chế độ, chính sách lao động; tuyên truyền, giáo dục truyền thống; phương hướng nhiệm vụ phát triển nghề; chỉ đạo các công đoàn trực thuộc đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố tham gia xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đại diện, bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động; chăm lo lợi ích đoàn viên, góp phần xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ.

h) Hướng dẫn, chỉ đạo đại hội, hội nghị công đoàn cấp dưới trực thuộc; chỉ đạo phát triển đoàn viên, quản lý đoàn viên, vận động thành lập công đoàn trong các đơn vị, doanh nghiệp thành viên, trực thuộc. Đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức công đoàn hằng năm theo quy định.

i) Thực hiện hợp tác quốc tế về công đoàn theo quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

k) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản và hoạt động kinh tế của công đoàn theo quy định của pháp luật và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

l) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và các nhiệm vụ khác theo quy định.

Điều 18. Công đoàn cấp xã; công đoàn khu công nghiệp; công đoàn đơn vị sự nghiệp trung ương, công đoàn đại học quốc gia, đại học vùng, đại học khác, Nghiệp đoàn Nghề cá Việt Nam; công đoàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty, tổ chức tín dụng, tài chính trực thuộc công đoàn cấp trên cơ sở

1. Công đoàn cấp xã do liên đoàn lao động tỉnh, thành phố thành lập tương ứng với đơn vị hành chính cấp xã để quản lý, chỉ đạo các công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở trên địa bàn hoạt động theo phân cấp.

2. Công đoàn khu công nghiệp do liên đoàn lao động tỉnh, thành phố thành lập để quản lý, chỉ đạo các công đoàn cơ sở trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao hoạt động theo phân cấp.

3. Công đoàn đơn vị sự nghiệp trung ương; công đoàn đại học quốc gia, đại học vùng, đại học khác; Nghiệp đoàn Nghề cá Việt Nam; công đoàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty, tổ chức tín dụng, tài chính do công đoàn ngành trung ương, công đoàn tập đoàn kinh tế, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam thành lập theo ngành, nghề, phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của đoàn viên, người lao động.

4. Công đoàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty, tổ chức tín dụng, tài chính do liên đoàn lao động tỉnh, thành phố thành lập để quản lý, chỉ đạo các công đoàn cơ sở trong tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc theo phân cấp.

5. Nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Đại diện, chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và người lao động theo quy định của pháp luật.

b) Hướng dẫn, hỗ trợ ban chấp hành công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở về nghiệp vụ, kỹ năng, phương pháp, nội dung tổ chức thực hiện nhiệm vụ, các chủ trương, nghị quyết của công đoàn; tuyên truyền, vận động đoàn viên và người lao động thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghĩa vụ của công dân và người lao động.

c) Hướng dẫn, hỗ trợ công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở hoặc đại diện cho đoàn viên và người lao động tổ chức đối thoại, thương lượng tập thể theo quy định của pháp luật.

d) Phát triển đoàn viên, quản lý đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở theo phân cấp; tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở; đánh giá, xếp loại tổ chức công đoàn hằng năm.

đ) Tổ chức các phong trào thi đua yêu nước trong đoàn viên và người lao động; tham gia với chính quyền, chuyên môn đồng cấp các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, đơn vị, doanh nghiệp, ngành nghề.

e) Chủ động hoặc phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách của người lao động; tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp lao động.

g) Xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế phối hợp với các tổ chức công đoàn liên quan trong việc chỉ đạo hoạt động của công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở.

h) Quản lý và sử dụng tài chính, tài sản công đoàn theo quy định của pháp luật và của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

i) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

k) Thực hiện các quyền, nhiệm vụ và quyền hạn khác.

Điều 19. Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở

1. Điều kiện thành lập công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở

a) Công đoàn cơ sở là tổ chức cơ sở của Công đoàn Việt Nam, được thành lập ở một hoặc một số đơn vị, doanh nghiệp, khi có từ 05 đoàn viên hoặc 05 người lao động trở lên, có đơn tự nguyện gia nhập Công đoàn Việt Nam.

b) Nghiệp đoàn cơ sở là tổ chức cơ sở của Công đoàn Việt Nam, tập hợp những người làm việc không có quan hệ lao động, cùng ngành nghề hoặc những người lao động đặc thù khác, được thành lập khi có từ 05 đoàn viên hoặc 05 người lao động trở lên, có đơn tự nguyện gia nhập Công đoàn Việt Nam.

2. Thủ tục thành lập, giải thể công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở thực hiện theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

3. Loại hình, hình thức tổ chức của công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở

a) Công đoàn cơ sở gồm công đoàn cơ sở trong tổ chức, đơn vị sự nghiệp; công đoàn cơ sở doanh nghiệp; công đoàn cơ sở hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; công đoàn cơ sở cơ quan công đoàn chuyên trách và nghiệp đoàn cơ sở.

b) Công đoàn cơ sở có hoặc không có công đoàn cơ sở thành viên, công đoàn bộ phận, tổ công đoàn; nghiệp đoàn cơ sở có hoặc không có tổ công đoàn, do ban chấp hành công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở quyết định.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở

a) Tổ chức thực hiện nghị quyết công đoàn cấp mình và công đoàn cấp trên, chấp hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam; tuyên truyền, vận động đoàn viên và người lao động thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghĩa vụ công dân; các chủ trương, nghị quyết của Công đoàn.

b) Đại diện cho đoàn viên trong đối thoại, thương lượng tập thể với các chủ thể liên quan, ký kết thỏa ước lao động tập thể (nếu có) và kiến nghị với chính quyền địa phương, các cơ quan, ban, ngành, đơn vị, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư nhằm đảm bảo việc làm, thu nhập, đời sống, an toàn vệ sinh, lao động và chính sách an sinh xã hội cho đoàn viên, người lao động.

c) Tập hợp ý kiến, nguyện vọng của đoàn viên công đoàn để giúp đỡ hoặc kiến nghị tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết kịp thời đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên.

d) Chủ trì giám sát hoặc tham gia giám sát thực hiện chính sách, pháp luật, nội quy, quy chế, thỏa ước lao động tập thể và các vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và người lao động tại nơi làm việc theo quy định của pháp luật.

đ) Phối hợp với người sử dụng lao động (nếu có) triển khai Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, cải thiện điều kiện làm việc và chăm sóc sức khỏe cho người lao động; tổ chức phong trào thi đua; tích cực tham gia hoạt động văn hóa, thể thao, xã hội từ thiện do công đoàn các cấp tổ chức phát động; đoàn kết, tương trợ giúp đỡ đoàn viên trong nghề nghiệp và cuộc sống; tham gia, hỗ trợ các cơ quan, ban, ngành, cộng đồng dân cư bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

e) Thực hiện công tác phát triển, quản lý đoàn viên; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công đoàn; đổi mới nâng cao chất lượng hoạt động công đoàn, góp phần xây dựng đơn vị, doanh nghiệp phát triển bền vững; tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh.

g) Thực hiện quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của công đoàn theo quy định của pháp luật và của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Điều 20. Việc gia nhập Công đoàn Việt Nam của tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp

1. Tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp được thành lập và hoạt động hợp pháp, nếu tán thành Điều lệ Công đoàn Việt Nam và tự nguyện gia nhập Công đoàn Việt Nam thì được xem xét việc gia nhập Công đoàn Việt Nam.

2. Tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp có quyền phối hợp, liên kết với công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp để triển khai các hoạt động phù hợp.

Chương V
CÔNG TÁC NỮ CÔNG CÔNG ĐOÀN

Điều 21. Công tác nữ công

1. Công tác nữ công là nhiệm vụ của ban chấp hành công đoàn mỗi cấp, nhằm phát huy vai trò và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên nữ, lao động nữ theo quy định của pháp luật và tổ chức công đoàn.

2. Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn việc thành lập và công tác cán bộ làm công tác nữ công quần chúng.

Điều 22. Nhiệm vụ công tác nữ công

1. Tham gia triển khai thực hiện chế độ, chính sách, pháp luật có liên quan đến lao động nữ; thực hiện các hoạt động về giới, bình đẳng giới, vì sự phát triển của phụ nữ; công tác cán bộ nữ, dân số, sức khỏe sinh sản; công tác gia đình, trẻ em.

2. Tổ chức các phong trào trong đoàn viên nữ, lao động nữ.

3. Đại diện tham gia giải quyết các vấn đề có liên quan trực tiếp đến đoàn viên nữ, lao động nữ và trẻ em.

4. Thực hiện lồng ghép các hoạt động của hội liên hiệp phụ nữ với hoạt động nữ công công đoàn.

Chương VI
TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN CÔNG ĐOÀN

Điều 23. Tài chính công đoàn

1. Công đoàn thực hiện quản lý, sử dụng tài chính theo quy định của pháp luật và quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Tài chính công đoàn gồm các nguồn thu sau đây:

a) Đoàn phí công đoàn do đoàn viên đóng hằng tháng bằng 0,5% mức tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội và không vượt quá 10% tiền lương cơ sở do Nhà nước quy định.

b) Kinh phí công đoàn do doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp không hưởng 100% lương từ ngân sách nhà nước, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có sử dụng lao động theo quy định của pháp luật đóng bằng 2% quỹ tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho người lao động theo quy định của Luật Công đoàn.

c) Ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ;

d) Nguồn thu khác từ hoạt động văn hóa, thể thao, hoạt động kinh tế của Công đoàn; từ các đề tài, đề án, dự án do Nhà nước giao; từ viện trợ, tài trợ hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

2. Tài chính công đoàn được sử dụng cho các nhiệm vụ sau đây:

a) Thực hiện hoạt động đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên công đoàn và người lao động; tham gia xây dựng quan hệ lao động tiến bộ, hài hòa và ổn định;

b) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nâng cao trình độ, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong làm việc cho đoàn viên công đoàn, người lao động;

c) Thăm hỏi, trợ cấp cho đoàn viên công đoàn và người lao động khi ốm đau, thai sản, khó khăn, hoạn nạn; tổ chức hoạt động chăm lo khác đối với đoàn viên công đoàn và người lao động;

d) Phát triển đoàn viên công đoàn, thành lập tổ chức công đoàn, nghiệp đoàn cơ sở và xây dựng Công đoàn vững mạnh;

đ) Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công đoàn; đào tạo, bồi dưỡng người lao động ưu tú tạo nguồn cán bộ cho Đảng, Nhà nước và tổ chức công đoàn;

e) Tổ chức phong trào thi đua do Công đoàn chủ trì hoặc phối hợp phát động;

g) Tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao, tham quan, du lịch cho đoàn viên công đoàn và người lao động;

h) Khen thưởng, động viên người lao động, con của người lao động có thành tích trong học tập, công tác;

i) Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội cho đoàn viên công đoàn và người lao động thuê; công trình văn hóa, thể thao, hạ tầng kỹ thuật có liên quan phục vụ đoàn viên công đoàn, người lao động theo quy định của pháp luật;

k) Hoạt động bảo đảm bình đẳng giới phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của tổ chức công đoàn;

l) Nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tổ chức công đoàn;

m) Chi quản lý hành chính để phục vụ hoạt động của tổ chức công đoàn các cấp, hoạt động hợp tác quốc tế của Công đoàn;

n) Trả lương, phụ cấp và các khoản phải nộp theo lương cho cán bộ công đoàn chuyên trách, phụ cấp hoạt động cho cán bộ công đoàn không chuyên trách;

o) Hỗ trợ cho cán bộ công đoàn không chuyên trách trong thời gian gián đoạn việc làm, không thể trở lại làm công việc cũ do bị người sử dụng lao động chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc, buộc thôi việc hoặc sa thải trái pháp luật;

p) Hỗ trợ công đoàn cơ sở nơi được miễn, giảm hoặc tạm dừng đóng kinh phí công đoàn quy định của Luật Công đoàn để chăm lo cho đoàn viên công đoàn, người lao động;

q) Hoạt động xã hội do Công đoàn chủ trì hoặc phối hợp;

r) Nhiệm vụ chi khác theo quy định của pháp luật và của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

3. Quản lý tài chính công đoàn

a) Tài chính công đoàn được quản lý theo nguyên tắc tập trung, công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả. Thực hiện phân công, phân cấp quản lý, gắn quyền hạn với trách nhiệm của công đoàn các cấp.

b) Ban chấp hành, ban thường vụ công đoàn các cấp có nhiệm vụ quản lý tài chính công đoàn theo đúng quy định của pháp luật và quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

c) Công đoàn các cấp thực hiện công khai tài chính hằng năm. Việc quản lý, sử dụng tài chính công đoàn được kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, giám sát theo quy định của pháp luật và quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

d) Hằng năm, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam báo cáo Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam dự toán và quyết toán tài chính công đoàn của Công đoàn Việt Nam.

Điều 24. Tài sản của Công đoàn

1. Tài sản của Công đoàn được hình thành từ nguồn đóng góp của đoàn viên công đoàn, tài chính công đoàn, nguồn vốn công đoàn; tài sản được Nhà nước giao bằng hiện vật; tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác phù hợp với quy định của pháp luật là tài sản của Công đoàn.

2. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam thực hiện quyền, trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật.

3. Công đoàn các cấp, đơn vị sự nghiệp của Công đoàn được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam giao nhiệm vụ quản lý, sử dụng các tài sản; chịu trách nhiệm trước Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và trước pháp luật về việc sử dụng, quản lý các tài sản đó.

Chương VII
CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CÔNG ĐOÀN VÀ ỦY BAN KIỂM TRA CÔNG ĐOÀN CÁC CẤP

Điều 25. Công tác kiểm tra, giám sát

Kiểm tra, giám sát của Công đoàn là nhiệm vụ của ban chấp hành công đoàn mỗi cấp, nhằm đảm bảo thực hiện Điều lệ, nghị quyết và các quy định của tổ chức công đoàn. Mỗi cấp công đoàn phải tổ chức, tiến hành kiểm tra, giám sát ở cấp mình và chịu sự kiểm tra, giám sát của công đoàn cấp trên.

Điều 26. Ủy ban kiểm tra công đoàn

1. Ủy ban kiểm tra công đoàn do ban chấp hành công đoàn cùng cấp bầu và phải được công đoàn cấp trên trực tiếp công nhận. Ủy ban Kiểm tra Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam do Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam công nhận.

2. Ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, chịu sự lãnh đạo của ban chấp hành công đoàn cùng cấp và hướng dẫn, chỉ đạo của uỷ ban kiểm tra công đoàn cấp trên. Ủy ban kiểm tra công đoàn chịu trách nhiệm trước ban chấp hành công đoàn cùng cấp về kết quả kiểm tra, giám sát do ủy ban kiểm tra công đoàn tổ chức thực hiện.

3. Số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra do ban chấp hành công đoàn cùng cấp quyết định, gồm một số ủy viên trong ban chấp hành và một số ủy viên ngoài ban chấp hành; số lượng ủy viên ban chấp hành công đoàn cùng cấp tham gia ủy ban kiểm tra không vượt quá 1/3 tổng số ủy viên uỷ ban kiểm tra. Trường hợp cần thiết vượt quá 1/3 do công đoàn cấp trên xem xét, quyết định; đối với Ủy ban Kiểm tra Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam do Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quyết định.

4. Nguyên tắc, thể lệ và hình thức bầu cử ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra như bầu cử ban chấp hành và các chức danh trong ban chấp hành công đoàn, trong đó:

a) Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra công đoàn cấp nào do ban chấp hành công đoàn cấp đó bầu, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra do ủy ban kiểm tra bầu.

b) Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở có dưới 30 đoàn viên thì đề nghị công đoàn cấp trên trực tiếp chỉ định 01 ủy viên ban chấp hành công đoàn làm công tác kiểm tra.

5. Khi thành lập mới, chia tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức công đoàn, công đoàn cấp trên trực tiếp chỉ định ủy ban kiểm tra và các chức danh trong ủy ban kiểm tra.

6. Nhiệm kỳ của ủy ban kiểm tra công đoàn theo nhiệm kỳ đại hội công đoàn cùng cấp.

7. Ủy viên ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp khi nghỉ hưu, nghỉ việc chờ nghỉ hưu, thôi việc, thôi không là cán bộ công đoàn chuyên trách hoặc chuyển công tác mà không thuộc cơ cấu tham gia ủy ban kiểm tra công đoàn thì đương nhiên thôi ủy viên ủy ban kiểm tra công đoàn, kể từ thời điểm nghỉ hưu, nghỉ việc chờ nghỉ hưu, thôi việc, thôi không là cán bộ công đoàn chuyên trách hoặc chuyển công tác ghi trong quyết định hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền.

8. Khi khuyết ủy viên ủy ban kiểm tra công đoàn cấp nào, ban chấp hành công đoàn cấp đó tiến hành quy trình, thủ tục bầu bổ sung theo quy định. Trường hợp cần thiết, do công đoàn cấp trên trực tiếp chỉ định.

Điều 27. Nhiệm vụ, quyền hạn của ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp

1. Nhiệm vụ

a) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam đối với tổ chức công đoàn cùng cấp và cấp dưới.

b) Kiểm tra, giám sát và kiến nghị xử lý kịp thời khi tổ chức, cán bộ, đoàn viên công đoàn cùng cấp và cấp dưới có dấu hiệu vi phạm Điều lệ Công đoàn Việt Nam, nghị quyết, quy định, quyết định của công đoàn.

c) Kiểm tra, giám sát việc thu, phân phối, quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của công đoàn, hoạt động kinh tế của công đoàn cùng cấp và công đoàn cấp dưới theo quy định của pháp luật và của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

d) Giám sát tổ chức công đoàn, ủy viên ban chấp hành, cán bộ công đoàn cùng cấp và cấp dưới về thực hiện Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị, quyết định và các quy định, quy chế của tổ chức công đoàn và quy định của Đảng, Nhà nước.

đ) Tham mưu, xử lý kỷ luật tổ chức công đoàn, cán bộ công đoàn, đoàn viên công đoàn cùng cấp và cấp dưới khi có vi phạm theo quy định.

e) Giải quyết các khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của tổ chức công đoàn; tham gia với các cơ quan chức năng nhà nước và người sử dụng lao động giải quyết khiếu nại, tố cáo của đoàn viên, người lao động theo quy định của pháp luật.

g) Tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát của công đoàn đối với ủy viên ủy ban kiểm tra công đoàn cùng cấp và cấp dưới.

2. Quyền hạn

a) Kiểm tra, giám sát tổ chức công đoàn, ủy viên ban chấp hành công đoàn, cán bộ công đoàn, đoàn viên công đoàn cùng cấp và cấp dưới về thực hiện Điều lệ, nghị quyết và các quy định của tổ chức công đoàn, quy định của Đảng, Nhà nước.

b) Xem xét, quyết định xử lý kỷ luật cán bộ công đoàn, đoàn viên công đoàn khi có vi phạm theo thẩm quyền quy định xử lý kỷ luật trong tổ chức công đoàn.

c) Báo cáo với ban chấp hành công đoàn cùng cấp về hoạt động kiểm tra, giám sát công đoàn và đề xuất các nội dung, chương trình công tác của ủy ban kiểm tra công đoàn trong các hội nghị thường kỳ của ban chấp hành công đoàn.

d) Yêu cầu tổ chức công đoàn và người chịu trách nhiệm của tổ chức công đoàn, cán bộ công đoàn, đoàn viên công đoàn được kiểm tra, giám sát có trách nhiệm báo cáo, cung cấp các tài liệu cho công tác kiểm tra, giám sát và trả lời những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra, giám sát.

đ) Thông báo kết luận kiểm tra, giám sát và đề xuất các hình thức xử lý với cơ quan thường trực của ban chấp hành công đoàn cùng cấp. Những kiến nghị của uỷ ban kiểm tra công đoàn không được cơ quan thường trực ban chấp hành công đoàn cùng cấp giải quyết, thì uỷ ban kiểm tra công đoàn có quyền báo cáo với ban chấp hành công đoàn cùng cấp và báo cáo lên ủy ban kiểm tra công đoàn cấp trên.

e) Ủy ban Kiểm tra Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, ủy ban kiểm tra liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương, công đoàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam được sử dụng con dấu riêng theo quy định của Ban Thường vụ Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Ủy ban kiểm tra công đoàn cấp dưới của công đoàn cấp trên cơ sở được sử dụng con dấu của ban chấp hành công đoàn cùng cấp để hoạt động.

g) Ủy viên ủy ban kiểm tra công đoàn được học tập, bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ về công tác kiểm tra, giám sát công đoàn; được mời dự các hội nghị của ban chấp hành và đại hội, hội nghị công đoàn cùng cấp.

Chương VIII
KHEN THƯỞNG - KỶ LUẬT

Điều 28. Khen thưởng

Tổ chức công đoàn, tập thể, cán bộ công đoàn, đoàn viên công đoàn có thành tích, đóng góp cho sự phát triển của tổ chức công đoàn được xét khen thưởng theo quy định của Ban Thường vụ Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Điều 29. Kỷ luật

1. Tổ chức công đoàn, tập thể, cán bộ công đoàn, đoàn viên công đoàn vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, thì tùy theo mức độ sẽ bị xử lý kỷ luật nghiêm minh, chính xác và kịp thời.

2. Hình thức xử lý kỷ luật

a) Đối với tổ chức công đoàn, tập thể ban chấp hành, ban thường vụ, ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp: Khiển trách, cảnh cáo, giải tán.

b) Đối với cán bộ công đoàn: Khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ.

c) Đối với đoàn viên công đoàn: Khiển trách, cảnh cáo, khai trừ.

3. Thẩm quyền và thủ tục xử lý kỷ luật trong tổ chức công đoàn các cấp, thực hiện theo quy định của Ban Thường vụ Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Chương IX
CHẤP HÀNH ĐIỀU LỆ CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM

Điều 30. Trách nhiệm thi hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam

Tổ chức công đoàn các cấp, cán bộ công đoàn, đoàn viên công đoàn có trách nhiệm thi hành nghiêm chỉnh Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

Điều 31. Thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam

1. Chỉ Đại hội Công đoàn Việt Nam mới có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung và thông qua Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

2. Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam chịu trách nhiệm quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam ngay sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

3. Đối với những vấn đề mới khác với quy định trong Điều lệ này, nếu được cơ quan có thẩm quyền đồng ý thì Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam xem xét quyết định và chỉ đạo thực hiện./.